

**TÒA ÁN NHÀ DẠ QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 550/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-5-2021

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHA DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÀ DẠ QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà H Tôn Nữ Kiều Hạnh

Các Hội thẩm nhA dA:

1. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

2. Ông Nguyễn Thành TA

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê, Thư ký Tòa án nhA dA Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhA dA Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhA dA Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 819/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp về ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021; Thông báo दौर lịch xét xử số 819/TB-TA ngày 14 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 279/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm: 1995

Thường trú: 5/3, Tổ 13, Khu phố 9, phường TCH, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn A, sinh năm: 1994

Địa chỉ: 345/27, Tổ 13, Khu phố 9, phường TCH, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, các bên đương sự trình bày:

* Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 07 tháng 9 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Ngọc H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn A đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhA dA (Sau đây gọi tắt là UBND) phường TCH, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh,

Giấy chứng nhận kết hôn số 224, ngày 07/10/2019.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ông Nguyễn Văn A có thái độ không tôn trọng bà và gia đình của bà, không quan tâm, chăm lo cho vợ con. Vợ chồng bà đã ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông A.

Về con chung: Ông bà có 01 (Một) con chung tên Nguyễn Trần Đăng K, sinh ngày 12/4/2020. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thay đổi yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con. Bà yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng mỗi tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về ý kiến, đề nghị của bị đơn:

Tại bản tự khai ngày 27 tháng 10 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn A trình bày:

Ông và bà Trần Thị Ngọc H bắt đầu chung sống với nhau từ ngày 29/9/2019, đến ngày 07/10/2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TCH, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, ông về sống bên nhà cha mẹ vợ. Trong quá trình chung sống, giữa ông và vợ cũng như giữa ông và gia đình vợ có xảy ra những bất đồng, xích mích. Tuy nhiên, ông nhận thấy những mâu thuẫn này không quá lớn và ông vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà H. Ông cũng đã tìm cách để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng vẫn không giải quyết được.

Trước đây khi còn sống chung, ông là tài xế xe tải, thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng. Tiền lương của mình ông giao hết cho vợ để chi tiêu trong gia đình. Riêng thời gian từ tháng 6 đến tháng 10 năm 2020, do dịch bệnh Covid-19, ông không có việc làm nên không có tiền lo cho vợ con. Tháng 11 năm 2020 đến nay, ông làm tài xế xe tải với mức lương cố định là 5.000.000 đồng/tháng. Hàng tháng, ông giao cho vợ 2.000.000 đồng để chi tiêu.

Ông bà có con chung như trình bày của bà Trần Thị Ngọc H. Do không đồng ý ly hôn nên ông không có ý kiến đối với vấn đề này.

Đồng thời, ông không đồng ý ly hôn nên không có yêu cầu, ý kiến gì về tài sản chung và nghĩa vụ chung.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử tuân theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra còn nhận xét về việc tham gia tố tụng của các đương sự.

Về nội dung: Hồ sơ thể hiện mâu thuẫn vợ chồng của các đương sự đã gay gắt, nếu hôn nhân còn tồn tại cũng không đảm bảo được mục đích theo quy định của pháp luật. Con chung dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ là có cơ sở. Mức cấp dưỡng theo yêu cầu của nguyên đơn là hợp lý. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Bà Trần Thị Ngọc H nộp đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Văn A nên đây là “Tranh chấp về ly hôn”. Bị đơn có địa chỉ tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng DA sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhA dA Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về yêu cầu của đương sự:*

Về quan hệ hôn nhA: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn A tự nguyện tìm hiểu, kết hôn năm 2019, có đăng ký tại UBND phường TCH, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh là quan hệ hôn nhA hợp pháp, bà H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhA và Gia đình năm 2014.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhA và Gia đình năm 2014 thì “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Tuy nhiên, qua lời khai của bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn A xác định được giữa bà H và ông A thường xuyên xảy ra cãi vã do mâu thuẫn vợ chồng và mâu thuẫn giữa ông A với gia đình bà H. Ông bà đã sống ly thA từ tháng 6 năm 2020. Mặc dù ông A không đồng ý ly hôn với lý do còn thương vợ con nhưng ông A vẫn không có hành động gì thể hiện sự quan tâm tới vợ con và mong muốn hàn gắn gia đình. Tại Phiếu yêu cầu xác minh ngày 08/12/2020, phường TCH xác định: “Quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông A có xảy ra mâu thuẫn cách đây khoảng 7 tháng, nguyên nhA chồng bạo lực tinh thần chửi bà H thường xuyên. Hiện nay đã ly thA, ông A đã về nhà cha mẹ ruột ở”. Như vậy, trình bày của bà H về mâu thuẫn vợ chồng và tình cảm vợ chồng là phù hợp với xác minh của chính quyền địa phương.

Từ những nhận định trên, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn A là gay gắt, hôn nhA lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhA không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhA và Gia đình năm 2014. Dựa trên cơ sở phát biểu của Kiểm sát viên, các chứng cứ có trong hồ sơ, lập luận nêu trên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Qua trình bày của bà H cùng xác minh của địa phương, bà

H và ông A có 01 (một) con chung tên Nguyễn Trần Đăng K, sinh ngày 12/4/2020. Tính đến ngày xét xử, trẻ K chưa đủ 36 tháng tuổi. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, việc giao con cho mẹ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là để đảm bảo cho cuộc sống và sự phát triển bình thường của trẻ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháu K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn:

Theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, cha mẹ có nghĩa vụ nuôi con. Do vậy, cần chia đều trách nhiệm đảm bảo nhu cầu sống cần thiết của trẻ cho cha và mẹ. Tại bản tự khai ngày 28 tháng 02 năm 2020, bị đơn trình bày, mức thu nhập cố định mỗi tháng là 5.000.000 (Năm triệu) đồng. Khi có lương, bị đơn giao cho vợ 2.000.000 đồng để cùng chi trả chi phí sinh hoạt hàng ngày của gia đình. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.5000.000 đồng và trình bày thu nhập hàng tháng của mình khoảng từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Để đảm bảo việc cấp dưỡng được thực hiện trên thực tế cũng như đảm bảo nhu cầu sống cần thiết cho người có trách nhiệm cấp dưỡng, mức cấp dưỡng theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với khả năng kinh tế của bị đơn nên chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn A phải cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Trần Đăng K 1.500.000 đồng mỗi tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí:

Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí dA sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Ông Nguyễn Văn A phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng DA sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Văn A.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần Đăng K, sinh ngày 12/4/2020 cho bà Trần Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng đến khi con chung đủ 18 (Mười tám) tuổi;

Kể từ ngày bà Trần Thị Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn A không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng ông A còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con; không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

2.1. Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0105080 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên được miễn trừ. Bà H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

2.2. Ông Nguyễn Văn A phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

H Tôn Nữ Kiều Hạnh